

# MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ BIỆN PHÁP TỰ VỆ THƯƠNG MẠI

ThS. NGUYỄN QUÝ TRỌNG \*

## 1. Cơ sở pháp luật của biện pháp tự vệ thương mại

Trong thương mại quốc tế, biện pháp tự vệ là việc tạm thời hạn chế nhập khẩu đối với một hoặc một số loại hàng hoá khi việc nhập khẩu chúng tăng nhanh gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Biện pháp tự vệ chỉ được áp dụng đối với hàng hoá, không áp dụng đối với dịch vụ, đầu tư hay sở hữu trí tuệ. Như vậy, mục đích của biện pháp tự vệ nêu trên là dành sự bảo hộ tạm thời cho ngành sản xuất trong nước, để ngành này có đủ thời gian điều chỉnh trước sức ép cạnh tranh. Bên cạnh đó, tự vệ thương mại là một trong các biện pháp khắc phục thương mại (trade remedies). Các biện pháp khắc phục thương mại bao gồm nhiều biện pháp, như: chống trợ cấp xuất khẩu (áp thuế đối kháng), chống bán phá giá, tự vệ thương mại... Các biện pháp này được gọi là khắc phục thương mại theo nghĩa việc áp dụng chúng nhằm lập lại sự công bằng trong quan hệ thương mại quốc tế. Tuy nhiên, trên thực tế, các nước thường lợi dụng các biện pháp này để bảo hộ sản xuất trong nước một cách có chọn lọc, tùy theo mặt hàng, tùy theo đối tác. Chúng biến thành các hàng rào phi thuế quan (NTBs) hiện đại và có thể bị coi là các biện pháp kìm hãm thương mại quốc tế.

Biện pháp tự vệ thương mại được coi là

một trong ba trụ cột của hệ thống các biện pháp khắc phục thương mại (trade remedies) và được áp dụng để bảo vệ thị trường nội địa trước sự thâm nhập của hàng hoá nước khác. Mặc dù cả ba biện pháp khắc phục thương mại nêu trên đều dẫn đến kết quả là hạn chế thương mại của đối tác nhưng cần phân biệt hai biện pháp: chống trợ cấp xuất khẩu và chống bán phá giá với biện pháp thứ ba - biện pháp tự vệ. Hai biện pháp chống trợ cấp xuất khẩu và chống bán phá giá nhằm chống lại những hành vi bóp méo thương mại hay cạnh tranh không lành mạnh, do đó một trong những điều kiện để áp dụng các biện pháp này là chỉ cần ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại đáng kể. Để áp dụng biện pháp tự vệ, cần chứng minh rằng ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại nghiêm trọng.<sup>(1)</sup> Trong thực tiễn thương mại quốc tế, biện pháp tự vệ thương mại được áp dụng ít hơn và khắt khe hơn so với các biện pháp khắc phục thương mại khác. Bên cạnh đó, cũng cần phân biệt biện pháp tự vệ - biện pháp khắc phục thương mại chống lại hành vi thương mại lành mạnh, với biện pháp trả đũa thương mại - biện pháp khắc phục thương mại đơn phương.

Quyền áp dụng biện pháp tự vệ được

\* Giảng viên Khoa pháp luật kinh tế  
Trường Đại học Luật Hà Nội

dành cho các nước thành viên Tổ chức thương mại thế giới (WTO), việc áp dụng phải bảo đảm tuân thủ theo các quy định về điều kiện, thủ tục, cách thức áp dụng biện pháp tự vệ của WTO. Vấn đề tự vệ thương mại được điều chỉnh tại Điều XIX GATT và Hiệp định của WTO về tự vệ. Điều XIX GATT này đã tồn tại từ thời GATT 1947. Trước khi WTO ra đời, Điều XIX GATT 1947 là cơ sở pháp lí cơ bản để các thành viên GATT 1947 áp dụng biện pháp tự vệ. Lí do của điều khoản này là: các thành viên muốn áp dụng các biện pháp tự vệ chống lại việc số lượng hàng nhập khẩu gia tăng đột ngột. Do vậy, có thể nói rằng Điều XIX GATT có chức năng như “cái van an toàn”.<sup>(2)</sup> Trong hoàn cảnh buộc phải mở cửa thị trường và tự do hoá thương mại theo các cam kết của WTO, biện pháp tự vệ là cái van an toàn mà hầu hết các nước nhập khẩu là thành viên WTO đều mong muốn. Với cái van này, nước nhập khẩu có thể ngăn chặn tạm thời luồng hàng nhập khẩu, để giúp ngành sản xuất trong nước tránh những đổ vỡ trong một số trường hợp đặc biệt khó khăn.

Tuy nhiên, trước khi Hiệp định của WTO về tự vệ thương mại - Safeguards Agreement (gọi tắt là Hiệp định SA) có hiệu lực, các thành viên GATT 1947 đã có thực tiễn áp dụng các biện pháp tự vệ, trên cơ sở Điều XIX GATT 1947 nhưng vi phạm nguyên tắc cạnh tranh lành mạnh và nguyên tắc MFN, gọi là các biện pháp miền xám (grey area). Ví dụ: biện pháp hạn chế xuất khẩu tự nguyện (VER), thỏa thuận thị trường có tổ chức (OMA)... Các biện pháp này được gọi là các biện pháp miền xám vì nó

không tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của WTO. Hiệp định SA cấm thành viên WTO áp dụng các biện pháp miền xám: Điều X, Điều XI Hiệp định SA quy định rằng thành viên WTO không được áp dụng hoặc duy trì bất cứ biện pháp nào liên quan đến hạn chế xuất khẩu tự nguyện, thỏa thuận thị trường có tổ chức hoặc bất cứ biện pháp tương tự nào khác liên quan đến xuất khẩu hoặc nhập khẩu (như: điều tiết xuất khẩu, hệ thống giám sát giá xuất khẩu hoặc giá nhập khẩu, kiểm soát xuất khẩu hoặc nhập khẩu, bắt buộc thành lập cartel nhập khẩu, hành động có phối hợp trong việc cấp phép xuất khẩu hay nhập khẩu...).

Được thừa nhận trong thương mại quốc tế nhưng lại đi ngược mục tiêu tự do hoá thương mại, biện pháp tự vệ là công cụ phải trả tiền. Điều này có nghĩa là các nước được phép áp dụng nó bảo vệ ngành sản xuất của nước mình nhưng phải trả giá cho những thiệt hại mà biện pháp này gây ra cho các nhà sản xuất nước ngoài (như hình thức cân bằng cam kết thương mại với nước khác). Cụ thể, nước áp dụng biện pháp tự vệ phải bồi thường thương mại cho các nước có hàng hoá bị áp dụng biện pháp tự vệ theo các điều kiện nhất định. Nếu nước này không tuân thủ, WTO cho phép các nước liên quan được áp dụng biện pháp trả đũa; trong đó riêng Hoa Kỳ (tính từ thời điểm 1/1/1995 đến 4/6/2007) số vụ bị điều tra là 10 vụ, số vụ bị kiện tại WTO là 09 vụ, số vụ áp dụng biện pháp tự vệ thương mại là 06 vụ.<sup>(3)</sup>

Vậy thì tại sao phải cho phép một thành viên WTO vi phạm chính cam kết của họ đối với hành vi cạnh tranh lành mạnh của nước

ngoài? Bởi vì như đã nêu ở trên, mục đích của biện pháp tự vệ là dành sự bảo hộ tạm thời cho ngành sản xuất trong nước, để ngành này có đủ thời gian điều chỉnh trước sức ép cạnh tranh. Đồng thời, theo quan điểm của Hoa Kỳ - quốc gia đã đưa Điều XIX vào GATT, Điều XIX chính là cái van an toàn về mặt chính trị trước áp lực đòi bảo hộ của các ngành sản xuất có quyền lực ở trong nước. “Điều khoản giải thoát” cho phép Chính phủ đơn phương đi ngược lại các nguyên tắc tự do hoá thương mại.<sup>(4)</sup>

Đối với các doanh nghiệp và cơ quan quản lí, những kiến thức phức tạp về các biện pháp khắc phục thương mại là thực sự cần thiết cho sự phát triển quan hệ thương mại quốc tế. Các nhà xuất khẩu và nhà sản xuất liên quan có thể bị tác động bất lợi bởi các biện pháp khắc phục thương mại. Do đó, việc hiểu biết những quy định của WTO có thể giúp cho các doanh nghiệp xuất khẩu tiến hành những bước đi thận trọng để tránh những hành động khắc phục thương mại tại thị trường nước ngoài. Ở những thị trường ít có nguy cơ bị kiện về bán phá giá, trợ cấp xuất khẩu hay tự vệ, doanh nghiệp xuất khẩu có thể tiếp tục đặt giá xuất khẩu thấp. Trong khi đó, ở những thị trường có nguy cơ cao trong việc bị kiện về các biện pháp nêu trên, doanh nghiệp xuất khẩu phải tránh đặt giá xuất khẩu thấp, không để kim ngạch xuất khẩu tăng quá nhanh và có thể tính tới việc chuyển hướng xuất khẩu sang những thị trường khác.

Điều XIX GATT được coi là ngoại lệ rõ ràng đối với tinh thần chung của GATT - đó là cạnh tranh quốc tế lành mạnh. Điều khoản

giải thoát được coi là mang tính bảo hộ nhiều nhất trong số các biện pháp khắc phục thương mại. Bên bị đơn nước ngoài không hề có bất kì hành động không lành mạnh nào - không bán phá giá, không nhận bất cứ khoản trợ cấp nào, không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ... tất cả những gì mà bị đơn đã làm là sự cạnh tranh hiệu quả.

## **2. Nguyên tắc, điều kiện và thủ tục áp dụng biện pháp tự vệ**

Khác với trường hợp các vụ kiện chống bán phá giá hay chống trợ cấp, WTO không có nhiều quy định chi tiết về nguyên tắc, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp tự vệ. Những nguyên tắc trong Hiệp định về biện pháp tự vệ của WTO buộc tất cả các thành viên phải tuân thủ nhằm đảm bảo tính minh bạch, bí mật thông tin của vụ kiện, như: quyết định khởi xướng vụ điều tra tự vệ phải được thông báo công khai; báo cáo kết luận điều tra phải được công khai vào cuối cuộc điều tra, các thông tin mật không thể được công khai nếu không có sự đồng ý của bên trình thông tin... Bên cạnh đó những nguyên tắc này còn đảm bảo quyền tố tụng của các bên trên cơ sở các chứng cứ, lập luận của mình và trả lời các chứng cứ, lập luận của đối phương... Tuy nhiên, nước nhập khẩu chỉ có thể áp dụng biện pháp tự vệ tuân thủ những nguyên tắc trên sau khi đã tiến hành điều tra và chứng minh được sự tồn tại đồng thời của các điều kiện cần thiết. Những đối tượng có thể yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ gồm:

- Các nhà sản xuất nội địa “có sản phẩm chiếm tỉ trọng lớn trong tổng sản lượng sản xuất nội địa”, bị tác động bởi hàng nhập

khẩu (khoản 1 Điều 4 GATT).

- Chính phủ nước nhập khẩu

Trong hầu hết các trường hợp, người yêu cầu áp dụng các biện pháp tự vệ là các nhà sản xuất nội địa.

Cơ quan điều tra phải thông báo công khai về cuộc điều tra; tạo điều kiện để các nhà xuất khẩu, các nhà nhập khẩu và các bên liên quan có thể đưa ra các bằng chứng và quan điểm của họ; công bố các báo cáo và kết luận của cơ quan điều tra (Điều 3).

Hiệp định SA<sup>(5)</sup> xác lập các điều kiện áp dụng biện pháp tự vệ (Điều 2, Điều 4 và Điều 5) trong đó xác định:

\* Hàng hoá liên quan được nhập khẩu tăng đột biến về số lượng;

\* Ngành sản xuất sản phẩm tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp với hàng hoá đó bị thiệt hại hoặc đe dọa bị thiệt hại nghiêm trọng;

\* Có mối quan hệ nhân quả giữa hiện tượng nhập khẩu tăng đột biến và thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại nói trên;

\* Ngăn chặn hoặc khắc phục thiệt hại nghiêm trọng, nâng cao năng lực cạnh tranh của nhà sản xuất trong nước trên cơ sở không phân biệt đối xử đối với hàng hoá nhập khẩu từ mọi nguồn (nguyên tắc MFN);

\* Điều kiện chung là tình trạng nói trên phải là hệ quả của việc thực hiện các cam kết trong WTO của các thành viên mà họ không thể thấy hoặc lường trước được khi đưa ra cam kết.

Song song với các điều kiện chung này, một số nước khi gia nhập WTO phải đưa ra những cam kết riêng liên quan đến biện pháp tự vệ. Trường hợp của Việt Nam, không có

ràng buộc hay bảo lưu nào lớn về các biện pháp tự vệ này, do đó việc áp dụng biện pháp tự vệ ở Việt Nam đối với hàng hoá nước ngoài, nếu có, sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định của Hiệp định SA.

Bên cạnh đó, hiệp định GATT còn quy định về biện pháp tự vệ liên quan đến cán cân thanh toán (Điều XII), theo đó thành viên có thể được miễn (chính xác hơn là tự cho mình được miễn) thực hiện nghĩa vụ tự do hoá thương mại để đối phó với tình trạng hàng nhập khẩu gây nguy hại cho nền kinh tế hoặc một trong các ngành sản xuất trong nước.

Trên thực tế, một vụ điều tra áp dụng biện pháp tự vệ thường đi theo trình tự sau đây:

1) Đơn yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ của ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu;

2) Khởi xướng điều tra;

3) Điều tra và công bố kết quả điều tra về các yếu tố tình hình nhập khẩu; tình hình thiệt hại; mối quan hệ giữa việc nhập khẩu và thiệt hại;

4) Ra quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp tự vệ

Cũng cần lưu ý rằng việc điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ (thời hạn tối đa là 8 năm, đối với các đang phát triển thời hạn này là 10 năm) mặc dù có nhiều yếu tố giống trình tự tố tụng tư pháp (vụ kiện tại tòa án) nhưng về bản chất đây là thủ tục hành chính, do cơ quan hành chính nước nhập khẩu tiến hành, nhằm xử lý tranh chấp thương mại giữa các nhà xuất khẩu nước ngoài (về nguyên tắc là từ tất cả các nước đang xuất khẩu hàng hoá liên quan vào nước nhập khẩu) và ngành

sản xuất nội địa liên quan của nước nhập khẩu. Việc này được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật nội địa nước nhập khẩu và về nguyên tắc không phải là công việc giữa các chính phủ (Chính phủ các nước xuất khẩu và chính phủ nước nhập khẩu). Tuy nhiên, do vấn đề này đã được ràng buộc bởi các nguyên tắc bắt buộc có liên quan trong Hiệp định SA của WTO nên các thành viên có thể thông qua WTO để xử lý những trường hợp nước nhập khẩu tiến hành điều tra mà vi phạm WTO.

### **3. Pháp luật Việt Nam về tự vệ thương mại**

Được sử dụng để đối phó với hành vi thương mại hoàn toàn bình thường (không có hành vi vi phạm pháp luật hay cạnh tranh không lành mạnh) nên về hình thức, việc áp dụng biện pháp tự vệ bị coi là đi ngược lại chính sách tự do hoá thương mại của WTO. Tuy vậy, đây là biện pháp được hợp pháp hoá trong khuôn khổ WTO (với các điều kiện chặt chẽ để tránh lạm dụng). Lí do là trong hoàn cảnh buộc phải mở cửa thị trường và tự do hoá thương mại theo các cam kết WTO, các biện pháp tự vệ là hình thức vạn an toàn mà hầu hết các nước nhập khẩu là thành viên WTO đều mong muốn, trong đó có Việt Nam. Với chiếc van này, nước nhập khẩu có thể ngăn chặn tạm thời luồng nhập khẩu để giúp ngành sản xuất nội địa của mình tránh những đổ vỡ trong một số trường hợp đặc biệt khó khăn. Để tạo thuận lợi cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và bảo vệ lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp trong nước, Việt Nam đã ban hành các văn bản pháp luật về các biện pháp chống bán phá giá,

chống trợ cấp và tự vệ. Các văn bản đó, trước hết và bao gồm: Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hoá nước ngoài vào Việt Nam được thông qua ngày 25/05/2002, có hiệu lực ngày 01/09/2002; Nghị định của Chính phủ số 150/2003/NĐ-CP ngày 08/12/2003 quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hoá nước ngoài vào Việt Nam; Nghị định của Chính phủ số 04/2006/NĐ-CP ngày 09/01/2006 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ; Nghị định của Chính phủ số 06/2006/NĐ-CP ngày 09/01/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục quản lý cạnh tranh. Cục quản lý cạnh tranh chịu trách nhiệm điều tra, trình kết quả điều tra và đề xuất cách thức xử lý cho cơ quan có thẩm quyền; đồng thời Cục quản lý cạnh tranh trực thuộc có chức năng giúp Bộ trưởng Bộ công thương quản lý nhà nước về chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ. Trong đó, Hội đồng xử lý vụ việc tự vệ có trách nhiệm xem xét, nghiên cứu kết quả điều tra của Cục quản lý cạnh tranh, thảo luận và kiến nghị Bộ trưởng Bộ công thương về cách thức xử lý để Bộ trưởng Bộ công thương quyết định có hoặc không áp dụng biện pháp tự vệ.

Pháp luật Việt Nam quy định những nội dung cơ bản về biện pháp tự vệ thương mại như: điều kiện, thủ tục, thời hạn áp dụng và các biện pháp áp dụng v.v.. Nhìn chung, những quy định này được xây dựng và phù hợp với quy định của WTO. Theo Điều 22

Pháp lệnh 2002, thời hạn áp dụng các biện pháp tự vệ, bao gồm cả thời gian áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời là không quá 4 năm. Thời hạn áp dụng các biện pháp tự vệ có thể được gia hạn một lần không quá 6 năm tiếp theo, với điều kiện vẫn còn thiệt hại nghiêm trọng hoặc nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước và có các bằng chứng chứng minh rằng ngành sản xuất đó đang điều chỉnh để nâng cao khả năng cạnh tranh.

Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận rằng các quy định về biện pháp tự vệ thương mại của Việt Nam ngoài việc tuân thủ những nguyên tắc cơ bản của WTO còn có những điểm khác xuất phát từ điều kiện kinh tế-xã hội của Việt Nam. Tại Pháp lệnh 2002 (Điều 1) biện pháp tự vệ sẽ được áp dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hoá quá mức vào Việt Nam gây thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước. Hoặc khoản 1 Điều 4 Pháp lệnh giải thích: Nhập khẩu hàng hoá quá mức là việc nhập khẩu hàng hoá với khối lượng, số lượng hoặc trị giá gia tăng một cách tuyệt đối hoặc tương đối so với khối lượng, số lượng hoặc trị giá của hàng hoá tương tự hoặc hàng hoá cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước. Như vậy, pháp luật Việt Nam không quy định tiêu chí gia tăng số lượng hàng nhập khẩu đột ngột như Điều XIX GATT và Hiệp định SA. Hoặc, theo khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh 2002, trong trường hợp thời gian áp dụng các biện pháp tự vệ vượt quá 3 năm, Bộ thương mại (nay là Bộ công thương) phải tiến hành rà soát các biện pháp tự vệ trước khi hết nửa

thời gian này để có kết luận về việc duy trì huỷ bỏ hoặc giảm nhẹ mức độ áp dụng các biện pháp tự vệ.

Cho tới thời điểm hiện nay, phía Việt Nam chưa áp dụng các quy định pháp luật của nước mình để tiến hành bất cứ cuộc điều tra nào về tự vệ thương mại chống lại các doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam là bị đơn trong các vụ kiện về tự vệ ở nước ngoài.<sup>(6)</sup> Từ năm 2000 đến nay, có khá nhiều trường hợp các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam bị kiện chống bán phá giá ở nước ngoài, trong đó có 2 vụ nổi lên là vụ cá tra, cá ba sa và vụ tôm sú Việt Nam bị kiện tại Mỹ. Kết quả, doanh nghiệp thủy sản Việt Nam xuất khẩu các mặt hàng này bị đánh thuế chống bán phá giá. Nhưng trong trường hợp ngược lại, cho đến nay chưa có trường hợp doanh nghiệp trong nước kiện doanh nghiệp nước ngoài bán phá giá tại Việt Nam làm thiệt hại sản xuất của doanh nghiệp và ngành đó, mặc dù thời gian qua có không ít doanh nghiệp đã kêu ca, phàn nàn vì hàng ngoại nhập vào ồ ạt với giá rẻ làm sản xuất trong nước bị đình trệ mà ngành thép là một điển hình... Tại thời điểm tháng 06/2007, thép Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam với số lượng lớn và giá rẻ hơn so với thép Việt Nam. Thống kê của Hiệp hội thép Việt Nam cho thấy lượng thép cuộn nhập khẩu vào Việt Nam trong quý I năm 2007 tăng mạnh với trên 150.000 tấn, chiếm 47% tổng sản lượng thép cuộn cả nước. Đây là mức tăng hết sức đột biến, bởi cả năm 2006 lượng thép cuộn nhập khẩu chỉ là 150.000 tấn, bằng 16% tổng sản lượng thép cuộn cả nước, còn năm 2005 chỉ có 75.000

tấn, chiếm 9% và 2004 là 71.000 tấn, chiếm 8%.<sup>(7)</sup> Lượng thép cuộn nhập khẩu nhiều làm đình trệ sản xuất trong nước. Nhiều công ti đã phải ngừng và giảm sản lượng thép cuộn do không thể cạnh tranh được với thép nhập khẩu. Các công ti như thép Hoà Phát, Việt-Hàn, Pomina đã phải ngừng hoàn toàn việc sản xuất thép cuộn. Công ti gang thép Thái Nguyên đã tạm ngừng sản xuất một thời gian dài và các công ti khác như thép Miền Nam, Vinakyoei.: đã giảm một nửa sản lượng thép cuộn sản xuất trong 3 tháng đầu năm 2007. Các doanh nghiệp sản xuất thép của Việt Nam đã nghĩ đến nhu cầu tự vệ chống lại thép nhập khẩu từ Trung Quốc. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đã không diễn ra bất cứ cuộc điều tra nào về tự vệ thương mại. Tính đến thời điểm tháng 09/2007, hàng hoá Việt Nam xuất khẩu ra nước ngoài đã trở thành đối tượng của 05 vụ điều tra về tự vệ tại 03 thị trường xuất khẩu, trong đó: 03 vụ kết thúc bằng biện pháp tự vệ của nước nhập khẩu, dưới hình thức áp thuế nhập khẩu bổ sung; 02 vụ chấm dứt mà không có biện pháp tự vệ nào được áp dụng do không chứng minh được là ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu đã phải chịu thiệt hại nghiêm trọng từ việc hàng hoá nước ngoài nhập khẩu ồ ạt.

Hiện nay, các quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề tự vệ thương mại đã được sửa đổi khá hoàn chỉnh và phù hợp với tinh thần của WTO. Trong khuôn khổ của WTO và luật pháp Việt Nam có khá nhiều biện pháp để bảo vệ việc sản xuất của doanh nghiệp trong nước như kiện chống bán phá giá, kiện chống trợ cấp hoặc dùng

biện pháp tự vệ thương mại. Một trong những vấn đề cấp thiết đặt ra đối với các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là cần phải tìm hiểu quy định, quy trình trong nước và cách sử dụng chúng cũng như nắm được các quy tắc của WTO để làm công cụ tự vệ, phản đối những quyết định không đúng đắn và biết cách sử dụng các biện pháp tự vệ như một công cụ kinh doanh. Điều này cho thấy khi đã vào WTO, các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ biết “đỡ” một cách chuyên nghiệp, mà còn phải biết “ra đòn”, kiện lại những doanh nghiệp nước ngoài làm ảnh hưởng đến sản xuất trong nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp./.

(1). Khái niệm thiệt hại “đáng kể” được quy định tại Hiệp định về chống bán phá giá của WTO (Hiệp định ADA), Hiệp định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM) và pháp luật quốc gia về chống bán phá giá và trợ cấp xuất khẩu; khái niệm thiệt hại “nghiêm trọng” được quy định tại Hiệp định của WTO về tự vệ (Hiệp định SA) và pháp luật quốc gia về tự vệ thương mại.

(2). Xem: Hoekman, Bernard M., Michel M. Kostecki, *Political Economy of the World Trade System*, Oxford University Publisher, New York, 2001.

(3). Xem: <http://www.chongbanphagia.vn28>, Ban pháp chế - Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, *Biện pháp tự vệ trong thương mại quốc tế*.

(4). Xem: Raj Bhala, *Luật thương mại quốc tế: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, sách dịch, Nxb. Tư pháp, 2006, tr. 659 - 680.

(5). Xem: *Hướng dẫn doanh nghiệp về hệ thống thương mại thế giới*, Nxb. Chính trị quốc gia, 2001, tr. 182 - 192.

(6). Xem: <http://www.chongbanphagia.vn28>, Ban pháp chế - Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam, *Biện pháp tự vệ trong thương mại quốc tế*.

(7). Xem: Trần Thùy, *Xin “tự vệ” trước thép cuộn nhập khẩu*, <http://www.Vietnamnet.vn>, 15:36' 11/04/2007 (GMT+7).